

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Nguyễn Công Tước;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Phan Thị Mai C, sinh ngày 05/10/1993 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Đinh Thị L; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 27/11/2017 của Công an xã Định Trung, thành phố V, xử phạt Phan Thị Mai C số tiền 1.000.000,đ về hành vi trộm cắp tài sản, C đã nộp phạt; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại:

- Chị Phạm Thị X, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu đô thị S, số 189 đường L, phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã TC, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 20 đường Điện Biên P, phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/11/2018, Phan Thị Mai C đã T hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại trường Tiểu học TS, Tộc phường TS, thành phố V, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.600.000,đ; cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 ngày 01/02/2018, C một mình đi bộ từ nhà đến Trường tiểu học T1 mục đích để trộm cắp tài sản của giáo viên trong trường. Khi C đi đến lớp 1A4 do cô Phạm Thị X, sinh năm 1971, nơi cư trú: Xóm Gạch, phường T1, thành phố V là chủ nhiệm thì nhìn thấy trong lớp học không có người, trên bàn giáo viên có để 01 chiếc túi xách màu đen, C đi vào trong lớp 1A4 đến vị trí bàn giáo viên rồi mở chiếc túi xách màu đen ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 chiếc ví màu đen, C tiếp tục mở ví ra thì thấy có 14 tờ tiền polime mệnh giá 500.000,đ. C lấy toàn bộ số tiền này cất vào túi quần đang mặc và để ví vào túi xách ở vị trí như cũ rồi ra về. Tổng số tiền C trộm cắp được là 7.000.000,đ, số tiền này C đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/02/2018, C một mình đi bộ từ nhà đến Trường tiểu học T1 mục đích để trộm cắp tài sản của giáo viên trong trường. C đi thẳng lên dãy nhà A3 vào lớp 1A4 do cô Phạm Thị X là chủ nhiệm thì thấy cửa lớp học khép, C mở cửa đi vào trong lớp đến vị trí bàn giáo viên rồi dùng tay mở ngăn tủ dưới bàn giáo viên ra nhưng ngăn tủ khoá không mở được. C nhìn xung quanh phát hiện tại ngăn kéo để đồ sát tường bên phải bàn làm việc của giáo viên có 01 chùm chìa khoá, C lấy chùm chìa khoá này tìm chìa khoá tủ giáo viên rồi mở tủ ra thì thấy bên trong ngăn tủ có 01 chiếc ví màu đen, loại ví nữ. C mở ví thì thấy bên trong ví có 5.000.000,đ tiền mặt, gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000,đ. C lấy toàn bộ số tiền này cất vào túi quần bên trái đang mặc, cất ví vào ngăn tủ rồi khoá lại và để chùm chìa khoá ở vị trí cũ rồi ra về. Số tiền trộm cắp được C đã tiêu sài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/9/2018, C một mình đi bộ từ nhà đến Trường tiểu học T1 để đón các cháu của C đi học về. Khi đến trường, C thấy học sinh đã về hết, lúc này C đi lên lớp 1A3 do cô Phạm Thị X chủ nhiệm thì thấy cửa lớp mở, trên bàn giáo viên có 01 chùm chìa khoá, C quan sát xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C đi vào trong lớp 1A3,

đến vị trí bàn giáo viên rồi lấy chùm chìa khoá trên bàn, tìm ra 01 chìa khoá tủ bàn giáo viên mở tủ ra thì thấy bên trong ngăn tủ có 02 chiếc phong bì đựng tiền. C lấy 02 chiếc phong bì trên kẹp vào cặp quần đang mặc rồi đi ra ngoài cổng trường tiểu học T1 kiểm tra thì thấy bên trong mỗi phong bì có số tiền 1.100.000,đ, C cầm tiền và vứt 02 vỏ phong bì vào thùng rác sau đó ra về. Tổng số tiền C trộm cắp được trong 02 phong bì tại tủ bàn giáo viên của lớp 1A4 là 2.200.000,đ, số tiền này C đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 07 giờ ngày 24/09/2018, C đưa cháu Phan Quang H là cháu C đến lớp 4A3, trường tiểu học T1 để học. Khi đến lớp cháu Huy kêu đói nên C ra ngoài cổng trường mua đồ ăn cho H, do C cũng có cháu là cháu Phan Anh Tuấn đang học lớp 3A4 trường tiểu học T1 do cô Nguyễn Thị G, là chủ nhiệm nên tiện thể C mua luôn đồ ăn cho cháu T2. Sau khi mua được đồ ăn, C mang vào lớp cho cháu H thì cháu đã ra sân trường chào cờ, C tiếp tục sang lớp 3A4 của cháu T2 thấy trong lớp không có ai, trên bàn làm việc giáo viên có 01 chùm chìa khoá, C quan sát xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C đi vào trong lớp 3A4, đến vị trí bàn làm việc của giáo viên rồi lấy chùm chìa khoá mở ngăn tủ bàn giáo viên C nhìn thấy trong ngăn tủ có 01 chiếc ví vải màu đen, kích thước khoảng (20x7)cm, C cầm chiếc ví lên mở ra kiểm tra thì thấy trong ví có nhiều phong bì, trong phong bì có tiền. C rút từ trong các phong bì ra được 08 tờ tiền mệnh giá 500.000,đ, 10 tờ tiền mệnh giá 200.000,đ và 10 tờ tiền mệnh giá 100.000,đ cất vào túi quần đang mặc rồi để chiếc ví đen vào tủ khoá lại như cũ và ra về. Tổng số tiền C trộm cắp được là 7.000.000,đ, số tiền này C đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 06/11/2018, C một mình điều khiển xe máy màu đỏ, không rõ biển kiểm soát do mượn của một người thợ hồ không biết tên, tuổi, địa chỉ, đến Trường tiểu học T1 để đón cháu Phạm Ngọc Y (cháu của C) là học sinh lớp 1A4 đang học Erobic tại tầng 2 dãy nhà ăn bán trú của trường. Khi C lên lớp thì thấy cháu Yến và một số học sinh đang học, không thấy cô giáo đâu. C vào lớp rồi đưa cháu Yến vào phòng thay đồ để về, trong lúc C thay đồ cho cháu Yến thì cô Nguyễn Thị Lệ T, là giáo viên lớp Aerobic đã cho các học sinh khác xuống sân trường chơi và khoá cửa lớp. Khi C thay đồ cho cháu Y xong định ra về thì thấy cửa lớp bị khoá ngoài, trong lớp chỉ có C và cháu Y nên không ra ngoài được. Lúc này, C đi loanh quanh trong lớp để tìm lối ra thì phát hiện ở cạnh cửa ra vào có 01 chiếc tủ gỗ để đồ không có khoá nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C dùng tay mở ngăn tủ trên cùng ra thì thấy có 01 chiếc túi xách kẻ sọc, màu trắng- nâu, C dùng tay mở túi xách ra kiểm tra thì

thấy bên trong có số tiền 400.000,đ, gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000,đ và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000,đ, C lấy toàn bộ số tiền này rồi cất túi xách vào ngăn tủ và đóng cửa tủ như ban đầu. Số tiền 400.000,đ trộm cắp được C cất giấu vào 01 chiếc cặp sách treo ở cánh cửa tủ, chiếc cặp sách này là của cháu Đỗ Phan Tú A, sinh năm 2012, học sinh lớp 1A4 trường tiểu học T1. Một lúc sau cô T và một số học sinh lên lớp, khi mở khoá cửa thấy C ở trong lớp cô T có hỏi C vào đây làm gì đồng thời kiểm tra túi xách cất trong tủ thì phát hiện bị mất 400.000,đ, cô T báo Ban giám hiệu nhà trường và cùng ngày đã trình báo sự việc bị C trộm cắp số tiền 400.000,đ với Công an phường T1. Tại Cơ quan điều tra, Phan Thị Mai C khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; chị Phạm Thị X yêu cầu bồi thường số tiền 14.200.000,đ; chị G yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000,đ.

Tại Cáo trạng số: 36/CT-VKSTPVY-VP ngày 17/03/2019 Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Phan Thị Mai C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Thị Mai C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người bị hại là chị Phạm Thị X, chị Nguyễn Thị G và chị Nguyễn Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra đã khai nhận:

Chị Phạm Thị X khai nhận: Trong các ngày 01/02/2018, 02/02/2018 và 21/9/2018, chị X bị kẻ gian trộm cắp số tiền lần lượt là 7.000.000,đ, 5.000.000,đ và 2.200.000,đ. Tổng số tiền chị X bị trộm cắp là 14.200.000,đ. Nay chị X yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền trên (bút lục 66 và bút lục từ 68- 71).

Chị Nguyễn Thị G khai nhận: Ngày 24/9/2018, chị G bị kẻ gian trộm cắp số tiền 7.000.000,đ. Nay chị G yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền trên (bút lục 55 và bút lục từ 57- 62).

Chị Nguyễn Thị Lệ T khai nhận: Ngày 06/11/2018, chị phát hiện Phan Thị Mai C có hành vi trộm cắp tài sản của chị, số tiền trộm cắp là 400.000,đ. Nay chị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì (bút lục 49 và bút lục từ 51- 54).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Thị Mai C từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xác nhận Cơ quan điều tra đã T và trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T số tiền 400.000,đ; Áp dụng các Điều 585, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Phan Thị Mai C phải bồi thường cho chị Phạm Thị X số tiền 14.200.000,đ, chị Nguyễn Thị G số tiền 7.000.000,đ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Phan Thị Mai C tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được T thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong thời gian từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/11/2018, Phan Thị Mai C đã T hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại trường Tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 21.600.000,đ; cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 ngày 01/02/2018 tại phòng học lớp 1A4 Trường tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sở hữ trong quản lý tài sản của chị Phạm Thị X, C đã trộm cắp của chị X số tiền 7.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 3 phút ngày 02/02/2018, tại phòng học lớp 1A4 Trường tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sở hữ trong quản lý tài sản của chị Phạm Thị X, C đã trộm cắp của chị X số tiền 5.000.000,đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/9/2018, tại phòng học lớp 1A3 Trường tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sở hữ trong quản lý tài sản của chị Phạm Thị X, C đã trộm cắp của chị X 02 phong bì, mỗi phong bì có số tiền 1.100.000,đ, tổng số tiền C trộm cắp được là 2.200.000,đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 07 giờ ngày 24/09/2018, tại phòng học lớp 3A4 Trường tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sở

hở trong quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị G, C đã trộm cắp của chị G số tiền 7.000.000,đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 06/11/2018, tại phòng học lớp Erobic, Trường tiểu học T1, Tộc phường T1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sở hở trong quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị Lệ T, C đã trộm cắp của chị T số tiền 400.000,đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Thị Mai C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên Tộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi cùng loại tội. Do đó, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong các ngày từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/11/2018, Phan Thị Mai C đã 05 lần T hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo C bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã T hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã T hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Bị hại là chị Phạm Thị X và chị Nguyễn Thị G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.400.000,đ và 7.000.000,đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho chị X và chị G, nên cần ghi nhận.

[6] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Thị Mai C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Bị cáo Phan Thị Mai C phải bồi thường cho chị Phạm Thị X số tiền 14.200.000,đ (mười bốn triệu hai trăm ngàn đồng); chị Nguyễn Thị G số tiền 7.000.000,đ (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày chị Phạm Thị X, chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo C không bồi thường số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phan Thị Mai C phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn

đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.060.000,đ (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký